

ĐỢ KHẨN

PHIẾU TRÌNH BỘ

Nhận h / ngày

BT. Đinh Tiến Dũng

TT. Trần Xuân Hà

8/4

TT. Đỗ Hoàng Anh Tuấn

TT. Trần Văn Hiếu

TT. Vũ Thị Mai (y)

TT. Huỳnh Quang Hải

Kg. Luc. GSAL

* ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ, TỔNG HỢP CHUNG ĐỀ TRÌNH BỘ: T. C. H. A. Thời hạn trình

* Đơn vị lưu bản chính..... T. C. H. A.

* Đơn vị nhận bản scan..... V. y. P. C.

Hà Nội, ngày 5 tháng 1 năm 2019
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

* Ngày Bộ trả tài liệu (Sao trình tiếp) 9/4

* Phải theo dõi

Trần Thanh Hà

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2018/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2019

NG CỤC HẢI QUAN
ĐẾN SỐ: 2418
Ngày: 10-01-2019
Quyển:.....
Số hồ sơ:.....

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
NGÀY BẾN:	08-01-2019
SỐ CV BẾN:	0002901

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

Căn cứ Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm.

Điều 1. Danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm

Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm, bao gồm:

1. Phụ lục 01: Danh mục hàng hóa theo mã số HS và hình thức quản lý đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực in.

2. Phụ lục 02: Danh mục hàng hóa theo mã số HS và hình thức quản lý đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2019 và thay thế các Thông tư sau đây:

a) Thông tư số 16/2015/TT-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết thi hành Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm;

b) Thông tư số 41/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2015/TT-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết thi hành Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông (qua Cục Xuất bản, In và Phát hành) để hướng dẫn và xem xét, giải quyết. / *LM*

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cổng Thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, CXBIPH, HNB (300).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC 01

**DANH MỤC HÀNG HÓA THEO MÃ SỐ HS VÀ HÌNH THỨC QUẢN LÝ
ĐỔI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU TRONG LĨNH VỰC IN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BTTTT ngày 28 tháng 12 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

I. Hàng hóa theo mã số HS và hình thức quản lý nhập khẩu

1. Hàng hóa trong Danh mục dưới đây khi nhập khẩu phải có giấy phép của Bộ Thông tin và Truyền thông (chỉ áp dụng đối với hàng hóa có mã số HS 08 số):

Mô tả hàng hóa	
Mô tả hàng hóa theo mã số HS trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam quy định tại Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính	Mô tả, phân loại hàng hóa nhập khẩu theo chuyên ngành trong lĩnh vực in
84.43	Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), trục lăn và các bộ phận in khác của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machines) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các phụ kiện của chúng.
	- Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), trục lăn và các bộ phận in khác thuộc nhóm 84.42:
8443.11.00	-- Máy in offset, in cuộn
	-- Máy in offset (kiểu in cuộn)
8443.12.00	-- Máy in offset, in theo tờ, loại sử dụng trong văn phòng (sử dụng giấy với kích thước giấy ở dạng không gấp một chiều không quá 22 cm và chiều kia không quá 36 cm)
	Máy in offset in theo tờ rời

8443.13.00	-- Máy in offset khác	Máy in offset khác
8443.14.00	-- Máy in letterpress, in cuộn trừ loại máy in flexo	Máy in letterpress (kiểu in cuộn)
8443.15.00	-- Máy in letterpress, trừ loại in cuộn, trừ loại máy in flexo	Máy in letterpress (kiểu in tờ rời)
8443.16.00	-- Máy in flexo	Máy in flexo
8443.17.00	-- Máy in ống đồng	Máy in ống đồng
8443.31	- Máy in khác, máy copy và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau: - - Máy kết hợp hai hoặc nhiều chức năng in, copy hoặc fax, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng: - - - Máy in-copy, in bằng công nghệ in phun: - - - - Loại màu - - - Máy in-copy, in bằng công nghệ laser: - - - - Loại màu - - - Máy in-copy-fax kết hợp: - - - - Loại màu - - - Loại khác: - - - - Máy in-copy-scan-fax kết hợp - - - - Loại khác	Máy in có chức năng photocopy màu (loại đa màu) Máy in có chức năng photocopy màu (loại đa màu) Máy in có chức năng photocopy màu (loại đa màu) Chỉ cấp giấy phép nhập khẩu đối với máy in có chức năng photocopy màu (loại đa màu) Chỉ cấp giấy phép nhập khẩu đối với máy in có chức năng photocopy màu (loại đa màu)
8443.31.11	- - - - Loại màu	Máy in có chức năng photocopy màu (loại đa màu)
8443.31.21	- - - - Loại màu	Máy in có chức năng photocopy màu (loại đa màu)
8443.31.31	- - - - Loại màu	Máy in có chức năng photocopy màu (loại đa màu)
8443.31.91	- - - - Máy in-copy-scan-fax kết hợp	
8443.31.99	- - - - Loại khác	
8443.32	- - Loại khác, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng:	

	--- Máy in phun:	
8443.32.21	---- Loại màu	Chỉ cấp giấy phép nhập khẩu đối với máy in phun kỹ thuật số có tốc độ in trên 60 tờ/phút (khổ A4) hoặc có khổ in trên A3
	--- Máy in laser:	
8443.32.31	---- Loại màu	Chỉ cấp giấy phép nhập khẩu đối với máy in laser kỹ thuật số có tốc độ in trên 60 tờ/phút (khổ A4) hoặc có khổ in trên A3
8443.39	-- Loại khác:	
8443.39.10	--- Máy photocopy tĩnh điện, hoạt động bằng cách tái tạo hình ảnh gốc trực tiếp lên bản sao (quá trình tái tạo trực tiếp)	
8443.39.20	--- Máy photocopy tĩnh điện, hoạt động bằng cách tái tạo hình ảnh gốc lên bản sao thông qua bước trung gian (quá trình tái tạo gián tiếp)	Chỉ cấp giấy phép nhập khẩu đối với máy photocopy màu (loại đa màu), trừ loại đơn màu (đen trắng)
8443.39.30	--- Máy photocopy khác kết hợp hệ thống quang học	
8443.39.40	--- Máy in phun	Chỉ cấp giấy phép nhập khẩu máy in phun màu kỹ thuật số (loại đa màu) có tốc độ in trên 60 tờ/phút khổ A4 hoặc có khổ in trên A3

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa trong Danh mục tại Mục I.1 thực hiện theo quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in (được sửa đổi, bổ sung một số điều bằng Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ).

3. Hàng hóa trong lĩnh vực in có mã số HS thuộc các nhóm: 84.40, 84.41, 84.42 và hàng hóa của nhóm 84.43 quy định tại Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính nhưng không được liệt kê trong Danh mục tại Mục I.1 khi nhập khẩu không phải có giấy phép nhập khẩu của Bộ Thông tin và Truyền thông.

II. Hàng hóa xuất khẩu

Hàng hóa trong Danh mục tại Mục I.1 khi xuất khẩu không phải có giấy phép xuất khẩu của Bộ Thông tin và Truyền thông./.

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC HÀNG HÓA THEO MÃ SỐ HS VÀ HÌNH THỨC QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU TRONG LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BTTTT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

I. Hàng hóa theo mã số HS và hình thức quản lý nhập khẩu

1. Danh mục hàng hóa theo mã số HS và hình thức quản lý nhập khẩu:

Mô tả hàng hóa		Hình thức quản lý	
Mô tả hàng hóa theo mã số HS trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam quy định tại Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính	Mô tả, phân loại hàng hóa quản lý theo chuyên ngành trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm	Xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh	Xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh
49.01	Các loại sách in, sách gấp, sách mỏng và các ấn phẩm in tương tự, dạng tờ đơn hoặc không phải dạng tờ đơn.	Văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu
4901.10.00	- Dạng tờ đơn, có hoặc không gấp	Văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu

	- Loại khác:				
4901.91.00	-- Từ điển và bộ bách khoa toàn thư, và các phụ chương của chúng				
4901.99	-- Loại khác:		Sách chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật, địa lý, quân sự, tôn giáo, lịch sử (kể cả sách dành cho thiếu nhi hoặc sách điện tử trong các thiết bị lưu trữ dữ liệu)	Văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu
4901.99.10	--- Sách giáo dục, kỹ thuật, khoa học, lịch sử hoặc văn hoá xã hội				
4901.99.90	--- Loại khác		Dạng tập có chữ nổi và loại khác (không bao gồm thể loại khoa học, kỹ thuật, ví dụ: hướng dẫn sử dụng thiết bị, hàng hóa, sản phẩm)		
4903.00.00	Sách tranh ảnh, sách vẽ hoặc sách tô màu cho trẻ em.			Văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu
49.05	Bản đồ và biểu đồ thủy văn hoặc các loại biểu đồ tương tự, kể cả tập bản đồ, bản đồ treo tường, bản đồ địa hình và quả địa cầu, đã in.				
4905.10.00	- Quả địa cầu		Quả địa cầu (có in hình bản đồ hoặc kèm theo sách hoặc minh họa cho sách)		
	- Loại khác:				
4905.91.00	-- Dạng quyền		Dạng quyền		
4905.99.00	-- Loại khác		Dạng tờ rời, tờ gấp	Văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu

4910.00.00	Các loại lịch in, kể cả bloc lịch.		
49.11	Các ấn phẩm in khác, kể cả tranh và ảnh in.	Văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu
4911.10	- Các ấn phẩm quảng cáo thương mại, các catalog thương mại và các ấn phẩm tương tự:	Các ấn phẩm quảng cáo thương mại, các catalog thương mại và các ấn phẩm tương tự (không bao gồm thể loại khoa học - kỹ thuật, ví dụ: hướng dẫn sử dụng hàng hóa, thiết bị, sản phẩm)	
4911.10.90	-- Loại khác		
	- Loại khác:		
4911.91.29	---- Loại khác	Văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu
	---- Tranh in và ảnh khác:		
4911.91.39	---- Loại khác		
4911.91.90	---- Loại khác		
4911.99	-- Loại khác:		
4911.99.90	-- Loại khác	Bản khác, bản in, bản in lito đã có nội dung thay sách hoặc dùng để minh họa cho sách (không thuộc nhóm 9702.00.00) và loại khác	
4911.10.10	-- Catalog chi liệt kê tên sách và các ấn phẩm về giáo dục, kỹ thuật, khoa học, lịch sử hoặc văn hoá	-- Catalog chi liệt kê tên sách và tên các ấn phẩm về giáo dục, kỹ thuật, khoa học, lịch sử hoặc văn hoá	Không yêu cầu văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu
		Không yêu cầu giấy phép nhập khẩu	

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh đối với hàng hóa trong Danh mục tại Mục I.1 thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Xuất bản và Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh đối với hàng hóa trong Danh mục tại Mục I.1 thực hiện theo quy định tại Điều 41 Luật Xuất bản và Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản.

4. Hàng hóa trong Danh mục tại Mục I.1 thuộc trường hợp không phải cấp giấy phép nhập khẩu theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 42 Luật Xuất bản thì không áp dụng hình thức quản lý tại Thông tư này.

5. Hàng hóa trong Danh mục tại Mục I.1 có nội dung vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 10 Luật Xuất bản bị cấm nhập khẩu dưới mọi hình thức.

II. Hàng hóa xuất khẩu

1. Hàng hóa trong Danh mục tại Mục I.1 đã được xuất bản và lưu hành hợp pháp tại Việt Nam được phép xuất khẩu ra nước ngoài theo quy định tại Điều 43 Luật Xuất bản và không phải có giấy phép xuất khẩu của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Hàng hóa trong Danh mục tại Mục I.1 có nội dung vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 10 Luật Xuất bản bị cấm xuất khẩu dưới mọi hình thức./.